TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lẫy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Đô – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 586/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 676/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị S, ĐKHKTT: Tổ Đồng T, phường Đ, quận K, thành phố H; địa chỉ: Nhà số 5, Ngõ 1, tổ M, phường Đ, quận K, thành phố H; (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phùng Văn S; địa chỉ: Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2021, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Chu Thị S trình bày: Chị Chu Thị S và anh Phùng Văn S có làm thủ tục kết hôn ngày 17/02/2011, tại Ủy ban nhân dân phường Đ quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn chị S và anh S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị Sáu và anh Sửu chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, thông cảm, chia sẻ dẫn đến

tình cảm vợ chồng rạn nứt; hơn nữa trong cuộc sống mẹ chồng và con dâu có nhiều mâu thuẫn xẩy ra. Khi chị S sinh con, chị Sáu và bố mẹ chị S đã xin phép gia đình anh S để đưa chị S và con về nhà bố mẹ đẻ chị S để chăm sóc. Từ đó đến nay gia đình anh S và bản thân anh S không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc, cấp dưỡng gì đối với con và chị S; chị S cũng không về nhà anh Sửu sinh sống nữa. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và kéo dài, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Về con chung: Chị S và anh S có một con chung là Phùng Yến N, sinh ngày 20/11/2017. Từ khi cháu Yến N được sinh ra đến nay chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; gia đình anh S và anh S không quan tâm, thăm nom, chăm sóc, cấp dưỡng đối với cháu N. Hiện nay chị S đang ở cùng với bố mẹ đẻ của chị S, chị S làm nghề tự do, thu nhập bình quân 3.000.000 đồng/1 tháng và được sự hỗ trợ thêm của bố mẹ đẻ chị S. Chị S xác định chị S đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, chị S đề nghị được trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn. Hiện nay anh S đang ở cùng mẹ đẻ của anh S, anh S làm nghề tự do không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, sống chủ yếu phụ thuộc vào mẹ của anh S, hơn nữa anh S và gia đình anh S cũng không muốn nhận cháu Yến N là con là cháu nên cũng không muốn nuôi dưỡng cháu Yến N. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Phùng Văn S đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh S, không tiến hành hòa giải được và anh S cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Sửu vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản xác minh, địa phương đã cùng cung cấp: Anh Phùng Văn S, sinh năm 1985 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay thường xuyên sinh sống tại Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố H cùng mẹ đẻ là bà Phùng Thị C. Chị Chu Thị S và anh Phùng Văn S có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị S và anh S sống cùng mẹ anh S tại tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố H. Quá trình chung sống anh S và chị S có xẩy ra mâu thuẫn, đặc biệt là mâu thuẫn giữa chị S và mẹ anh S. Đến năm 2017 chị S về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay không thấy chị S quay về chung sống với anh S. Nay chị S có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị S và anh S có 01 con chung là Phùng Yến N, sinh ngày 20/11/2017. Từ khi sinh cháu Yến N đến nay cháu Yến N ở cùng chị S, địa phương không thấy con anh S về sống tại tổ Đ. Hiện nay anh S không có công việc và thu nhập ổn định, làm nghề tự do, ai thuê gì thì làm đó, công việc chủ yếu là đi phụ vữa, anh S sống phụ thuộc vào mẹ đẻ là bà Phùng Thị C. Địa phương không năm được tài sản chung, công nợ chung của anh S và chị S.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; đối với nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị S. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị S ly hôn anh Phùng Văn S. Về con chung: Giao con chung là Phùng Yến N, sinh ngày 20/11/2017 cho chị S nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Chị S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 02 tháng 7 năm 2021 chị Chu Thị S nộp đơn khởi kiện qua đường bưu điện gửi đến Tòa án nhân dân quận K, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phùng Văn S; bị đơn là anh Phùng Văn S, trú tại phường Đ, quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phùng Văn Sửu không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phùng Văn S.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Chu Thị L và anh Phùng Văn S có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đồng H, quận K, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2011 ngày 17 tháng 02 năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Chu Thị S và anh Phùng Văn S đã phát nhiều sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S để giải quyết việc chị Sáu có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị S và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ. Tại

phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Chu Thị S được ly hôn anh Phùng Văn S. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị S và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Chu Thị S và anh Phùng Văn S có một con chung là Phùng Yến N, sinh ngày 20/11/2017. Hiện nay anh S có nơi ở, có thu nhập nhưng không ổn định, sống phụ thuộc vào mẹ đẻ là bà Phùng Thị C, anh S không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con khi ly hôn. Chị S có nơi ở, có thu nhập và được sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị S; từ khi sinh con, vợ chồng sống ly thân đến nay chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con Phụng Yến Nhi, khi ly hôn chị Sáu đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi con trưởng thành; đây cũng là quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa. Quan điểm của Viện Kiểm sát và đề nghị chị S về việc nuôi dưỡng con khi ly hôn là phù hợp thực tế, phù hợp pháp luật, cần được chấp nhận. Giao cho chị Chu Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phùng Yến N đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Chu Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Chu Thị S, anh Phùng Văn S có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Chu Thị S không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Chu Thị S, anh Phùng Văn S có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì chị Chu Thị Sáu phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị S:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Chu Thị S và anh Phùng Văn S.

- Về con chung: Chị Chu Thị S và anh Phùng Văn S có một con chung là Phùng Yến N, sinh ngày 20/11/2017. Giao cho chị Chu Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phùng Yến N đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phùng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Chu Thị S, anh Phùng Văn S có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Chu Thị S phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015340 ngày 07/7/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; chị Chu Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Chu Thị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phùng Văn Sửu có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Đ, quận K, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bình **Nguyễn Công Biên** **Cao Đặng Trình**